

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 11/2022/QH15, Luật số 16/2023/QH15, Luật số 18/2023/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 54/2024/QH15 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Thông tư số 19/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về Nông nghiệp và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 211/TTr-SNNMT ngày 27 tháng 3 năm 2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy định về quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định số 26/2023/QĐ-UBND ngày 09/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa (*trước sáp nhập*) Ban hành quy định về quản lý chất thải và chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho hoạt động quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa và Quyết định số 02/2024/QĐ-UBND ngày 01/02/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận (*trước sáp nhập*) Ban hành Quy định về quản lý chất thải và thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ hoạt động quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: (VBĐT)

- Như Điều 3;
- UBTV Quốc hội (báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (báo cáo);
- Cục KTVB và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Vụ Công tác xây dựng VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Cơ quan UB MTTQVN tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Khánh Hòa;
- Trung tâm Công báo và Cổng thông tin điện tử tỉnh Khánh Hòa;
- Lưu: VT, VP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Huyền



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 31 /2026/QĐ-UBND ngày 20
tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa theo quy định tại khoản 7 Điều 72 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 22 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường số 146/2025/QH15).

2. Việc quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa phải bảo đảm theo nguyên tắc như sau:

- Phân định rõ trách nhiệm của chủ nguồn thải, đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý và cơ quan quản lý nhà nước;
- Tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Việc ban hành quy định này không làm thay đổi trách nhiệm của chủ nguồn thải theo quy định;
- Bảo đảm tính đồng bộ với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch bảo vệ môi trường của tỉnh.

3. Những nội dung không quy định tại Quy định này được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân có hoạt động liên quan đến quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa (kể cả các tổ chức, cá nhân nước ngoài đang cư trú, hoạt động trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa).

Điều 3. Giải thích từ ngữ

- Chất thải* là vật chất ở thể rắn, lỏng, khí hoặc ở dạng khác được thải

ra từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, sinh hoạt hoặc hoạt động khác.

2. *Chất thải rắn sinh hoạt (còn gọi là rác thải sinh hoạt)* là chất thải rắn phát sinh trong sinh hoạt thường ngày của con người.

3. *Chất thải rắn thông thường* là chất thải rắn không thuộc danh mục chất thải nguy hại và không thuộc danh mục chất thải công nghiệp phải kiểm soát có yếu tố nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại.

4. *Chất thải công nghiệp* là chất thải phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, trong đó bao gồm chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát và chất thải rắn công nghiệp thông thường.

5. *Chất thải nguy hại* là chất thải chứa yếu tố độc hại, phóng xạ, lây nhiễm, dễ cháy, dễ nổ, gây ăn mòn, gây nhiễm độc hoặc có đặc tính nguy hại khác.

6. *Nước thải* là nước đã bị thay đổi đặc điểm, tính chất được thải ra từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, sinh hoạt hoặc hoạt động khác.

7. *Chủ nguồn thải* là tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc được giao quản lý, điều hành cơ sở phát sinh chất thải.

8. *Chủ xử lý chất thải* là tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc được giao quản lý, điều hành cơ sở xử lý chất thải, bãi chôn lấp chất thải.

9. *Cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải* là cơ sở có hoạt động xử lý chất thải (bao gồm cả hoạt động tái chế, đồng xử lý chất thải) cho các hộ gia đình, cá nhân, cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI

Điều 4. Quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

1. Việc quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường phải đáp ứng yêu cầu chung được quy định tại khoản 1 Điều 72 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Phân loại, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Chất thải rắn công nghiệp thông thường được phân loại, lưu giữ, vận chuyển và xử lý đúng quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Bảo vệ môi trường.

Trường hợp tái sử dụng, sử dụng trực tiếp thì thực hiện theo quy định tại

các khoản 1, 2 và 3 Điều 65 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Khuyến khích, ưu tiên tái phân loại, tái chế, tái sử dụng, giảm thiểu chất thải công nghiệp.

3. Chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường có trách nhiệm thực hiện quy định tại khoản 4 Điều 82 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 66 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về việc phân loại, lưu giữ, chuyển giao và xử lý chất thải phát sinh từ hoạt động của mình.

4. Chủ thu gom, vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 67 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

5. Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường có trách nhiệm thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 130 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

6. Thiết bị, dụng cụ lưu chứa, kho hoặc khu vực lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường phải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường được quy định tại Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (được sửa đổi, bổ sung tại Điều 16 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT).

7. Yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường đối với phương tiện vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường và biểu mẫu biên bản bàn giao chất thải rắn công nghiệp thông thường:

a) Phương tiện vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường phải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường được quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 34 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

b) Biểu mẫu biên bản bàn giao chất thải rắn công nghiệp thông thường được quy định tại Mẫu số 03 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

8. Nghiêm cấm các hành vi chuyển giao, đổ thải chất thải rắn công nghiệp thông thường vào các điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

9. Tuyến đường, thời gian hoạt động của phương tiện vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường:

a) Phương tiện vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường không được di chuyển qua khu vực trung tâm của các đô thị, các khu dân cư đông đúc

và các khu vực giao thông có mật độ cao vào các khung giờ cao điểm (buổi sáng từ 06 giờ đến 08 giờ, buổi chiều từ 16 giờ 30 đến 18 giờ).

b) Các khung thời gian vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường nêu trên không áp dụng đối với những ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của Nhà nước hoặc các trường hợp khẩn cấp như thiên tai, bão lũ,... tùy tình hình cụ thể để vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường đảm bảo xử lý toàn bộ chất thải phát sinh.

Điều 5. Quản lý chất thải nguy hại

1. Việc quản lý chất thải nguy hại phải đáp ứng yêu cầu chung được quy định tại khoản 1 Điều 72 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Việc khai báo, phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển chất thải nguy hại được thực hiện theo quy định tại Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 26 Điều 1 Luật số 146/2025/QH15) và Điều 68, Điều 69 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 29 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP).

3. Việc khai báo, phân loại, thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại và mẫu chứng từ chất thải nguy hại được thực hiện theo quy định tại Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (được sửa đổi, bổ sung tại Điều 17 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT).

4. Chủ nguồn thải chất thải nguy hại có trách nhiệm thực hiện các quy định tại khoản 1 Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 71 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 30 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP).

5. Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Điều 85 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 72, Điều 130 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

6. Bao bì, thiết bị lưu chứa, khu vực lưu giữ chất thải nguy hại đối với Chủ xử lý chất thải nguy hại phải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật được quy định tại Điều 36 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (được bổ sung tại Điều 18 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT).

7. Phương tiện vận chuyển chất thải nguy hại phải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường được quy định tại Điều 37 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

8. Nghiêm cấm hành vi chuyển giao, đổ thải chất thải nguy hại vào các điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công

nghiệp thông thường.

9. Tuyến đường, thời gian hoạt động của phương tiện vận chuyển chất thải nguy hại:

a) Phương tiện vận chuyển chất thải nguy hại không được di chuyển qua khu vực trung tâm của các đô thị, các khu dân cư đông đúc và các khu vực giao thông có mật độ cao vào các khung giờ cao điểm (buổi sáng từ 6 giờ đến 8 giờ, buổi chiều từ 16 giờ 30 đến 18 giờ).

b) Các khung thời gian vận chuyển chất thải nguy hại nêu trên không áp dụng đối với những ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của Nhà nước hoặc các trường hợp khẩn cấp như thiên tai, bão lũ,... tùy tình hình cụ thể để vận chuyển chất nguy hại đảm bảo xử lý toàn bộ chất thải phát sinh.

Điều 6. Quản lý chất thải công nghiệp phải kiểm soát

1. Việc quản lý chất thải công nghiệp phải kiểm soát phải đáp ứng yêu cầu chung được quy định tại khoản 1 Điều 72 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Việc phân định chất thải công nghiệp phải kiểm soát là chất thải nguy hại hoặc chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường về ngưỡng chất thải nguy hại. Trường hợp chất thải công nghiệp phải kiểm soát chưa được phân định thì được quản lý như chất thải nguy hại.

3. Chất thải công nghiệp phải kiểm soát được phân loại theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

Điều 7. Quản lý môi trường không khí

1. Chất lượng môi trường không khí phải được quan trắc, theo dõi, giám sát thường xuyên, liên tục và công bố công khai thông tin về chất lượng môi trường không khí; cảnh báo cho cộng đồng dân cư và triển khai biện pháp xử lý trong trường hợp chất lượng môi trường không khí bị ô nhiễm gây tác động đến sức khỏe cộng đồng.

2. Các nguồn phát thải bụi, khí thải và các chất ô nhiễm khác phải được quản lý, kiểm soát và quan trắc theo quy định khoản 3 Điều 72, Điều 88 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 47 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP).

3. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh có phát sinh bụi, khí thải vào môi trường có trách nhiệm áp dụng các biện pháp giảm thiểu, thu gom, xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải vào môi trường.

Điều 8. Quản lý nước thải

1. Việc quản lý nước thải phải đáp ứng yêu cầu chung được quy định tại khoản 2 Điều 72 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 57 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được bổ sung tại khoản 24 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP).

2. Các nguồn phát sinh nước thải phải được quản lý, kiểm soát và quan trắc theo quy tại Điều 86 Luật Bảo vệ môi trường (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 28 Điều 1 Luật số 146/2025/QH15) và Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP).

3. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến phát thải nước thải vào môi trường có trách nhiệm thu gom, xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

Điều 9. Quản lý chất thải y tế, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công kênh

1. Việc quản lý chất thải y tế

a) Việc quản lý chất thải y tế phải đáp ứng yêu cầu chung được quy định tại Điều 72 Luật Bảo vệ môi trường.

b) Chất thải y tế phải được phân định, phân loại, thu gom, lưu giữ, giảm thiểu, tái chế, xử lý theo quy định tại Điều 42 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 17 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT) và Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế.

2. Việc quản lý chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải rắn sinh hoạt hộ gia đình, cá nhân; quy định tuyến đường, thời gian vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt được thực hiện theo Quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt hộ gia đình, cá nhân; quy định tuyến đường, thời gian vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa ban hành kèm theo Quyết định số 19/2026/QĐ-UBND ngày 05/3/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa.

3. Việc quản lý chất thải rắn công kênh được thực hiện theo Quy định phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn công kênh trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa ban hành kèm theo Quyết định số 20/2026/QĐ-UBND ngày 05/3/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa.

4. Trường hợp các Quyết định chuyên ngành khác do UBND tỉnh ban hành có quy định khác về quản lý chất thải so với Quy định này, ưu tiên áp dụng văn bản ban hành sau hoặc theo sự chỉ đạo cụ thể của UBND tỉnh đối với từng trường hợp nhằm đảm bảo tính thống nhất và tránh quy định trùng lặp.

Điều 10. Tiêu chí về công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại và nước thải

1. Tiêu chí về công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt được thực hiện theo quy định tại Điều 28 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và các tiêu chí do UBND tỉnh Khánh Hòa quy định.

2. Tiêu chí về công nghệ xử lý chất thải nguy hại được thực hiện theo quy định tại Điều 39 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và các tiêu chí do UBND tỉnh Khánh Hòa quy định.

3. Tiêu chí về công nghệ xử lý nước thải được thực hiện theo quy định tại Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

4. UBND tỉnh khuyến khích xã hội hóa hoạt động xử lý chất thải; việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện theo quy định pháp luật về đầu tư, đấu thầu và bảo vệ môi trường.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Là cơ quan đầu mối tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về chất thải trên địa bàn, có nhiệm vụ:

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện và kiểm tra việc chấp hành Quy định này.

- Thường xuyên tổng hợp, báo cáo định kỳ kết quả thực hiện; căn cứ tình hình thực tiễn, tham mưu và đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong việc thu gom, phân loại, lưu giữ, chuyển giao, xử lý chất thải.

c) Phối hợp với Trung tâm Xúc tiến đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Khánh Hòa trong việc thu hút, kêu gọi đầu tư các dự án xử lý chất thải.

d) Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 362/KH-UBND ngày 12/02/2020 của UBND tỉnh về hành động quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. Trong đó, chủ động ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn và yêu cầu các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện nghiêm các nội dung sau:

- Đối với tổ chức, cá nhân là chủ phương tiện tàu cá: Phải trang bị các thiết bị, dụng cụ lưu chứa rác thải sinh hoạt, rác thải nhựa (ngư lưới cụ hồng, vỏ chai, bao bì nilon...) phát sinh trong quá trình hoạt động trên biển; tuyệt đối không xả rác thải, rác thải nhựa, dầu mỡ la canh xuống biển; bắt buộc bàn giao toàn bộ rác thải thu gom được cho đơn vị quản lý cảng cá, bến cá xử lý khi cập bờ.

- Đối với các cơ sở, hộ gia đình nuôi trồng thủy sản trên biển, lồng bè: Phải thu gom toàn bộ rác thải sinh hoạt, bao bì thức ăn, hóa chất và vật liệu nuôi trồng hư hỏng (phao xốp, lưới...) đưa vào bờ, bàn giao cho đơn vị thu gom, xử lý theo quy định.

- Đối với các Ban Quản lý vịnh, khu du lịch ven biển: Chịu trách nhiệm thường xuyên tổ chức vớt rác, làm sạch mặt nước trong phạm vi quản lý; đồng thời bố trí các điểm tập kết ven bờ để tiếp nhận rác thải từ tàu thuyền, lồng bè và luân chuyển về khu xử lý tập trung.

đ) Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm trực tiếp trước Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nếu thiếu đơn đốc, kiểm tra, để xảy ra các vi phạm pháp luật về quản lý chất thải thuộc lĩnh vực, phạm vi được phân công quản lý.

2. Sở Xây dựng

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan để báo cáo, tham mưu và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh trong việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn xây dựng và địa điểm đổ chất thải từ hoạt động xây dựng; bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước trên địa bàn tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ được giao¹.

b) Quản lý hoạt động vận tải đường bộ có liên quan đến việc vận chuyển chất thải trên địa bàn tỉnh theo quy định.

¹ Theo Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 24/7/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Xây dựng tỉnh Khánh Hòa.

c) Giám đốc Sở Xây dựng chịu trách nhiệm trực tiếp trước Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nếu thiếu đơn đốc, kiểm tra, để xảy ra các vi phạm pháp luật về quản lý chất thải thuộc lĩnh vực, phạm vi được phân công quản lý.

3. Sở Y tế

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các cơ sở y tế thực hiện việc thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển, xử lý chất thải y tế theo quy định.

b) Giám đốc Sở Y tế chịu trách nhiệm trực tiếp trước Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nếu thiếu đơn đốc, kiểm tra, để xảy ra các vi phạm pháp luật về quản lý chất thải thuộc lĩnh vực, phạm vi được phân công quản lý.

4. Sở Tài chính

a) Chủ trì hướng dẫn thực hiện thủ tục đầu tư, lựa chọn nhà đầu tư tham gia đầu tư các dự án xử lý chất thải và tham mưu UBND tỉnh xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật.

b) Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh trong việc tổng hợp, tham mưu bố trí nguồn vốn đầu tư công trung hạn cho các dự án theo ngành, lĩnh vực, cấp quản lý được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật đầu tư công và kinh phí cho hoạt động bảo vệ môi trường đối với nhiệm vụ thuộc nguồn vốn sự nghiệp môi trường theo quy định Luật ngân sách Nhà nước, các văn bản hướng dẫn hiện hành và phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương.

c) Triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách thu hút các ngành nghề sản xuất sạch, áp dụng công nghệ sản xuất tiên tiến, kỹ thuật hiện có tốt nhất, công nghệ sạch, thân thiện môi trường.

d) Giám đốc Sở Tài chính chịu trách nhiệm trực tiếp trước UBND tỉnh nếu để phát sinh các vi phạm trong phạm vi quản lý được giao.

5. Công an tỉnh

a) Tăng cường công tác phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm trong hoạt động quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh; thực hiện thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định pháp luật.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và các đơn vị liên quan trong hoạt động thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường của cơ sở sản xuất, kinh

doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh.

c) Giám đốc Công an tỉnh chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh nếu để tình trạng tội phạm về môi trường, các đường dây đồ trộm chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp hoạt động phức tạp, kéo dài trên địa bàn mà không có biện pháp triệt phá.

6. Các Sở, ban, ngành khác

Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, các sở, ban, ngành liên quan có trách nhiệm phối hợp, hướng dẫn UBND cấp xã và các đơn vị trực thuộc thực hiện công tác quản lý chất thải đúng theo Quy định này.

Điều 12. Trách nhiệm của UBND cấp xã

1. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện kiểm soát nguồn ô nhiễm; phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trên địa bàn theo quy định của pháp luật; tổ chức quản lý các nguồn thải trên địa bàn theo phân công, phân cấp.

2. Kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường theo thẩm quyền hoặc chuyển người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật; giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị về bảo vệ môi trường.

3. Truyền thông, phổ biến kiến thức, tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường; giáo dục, nâng cao nhận thức, ý thức về bảo vệ môi trường trong cộng đồng; hướng dẫn cộng đồng dân cư trên địa bàn đưa nội dung bảo vệ môi trường vào hương ước, quy ước, xây dựng nông thôn mới, gia đình văn hóa.

4. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ công tác bảo vệ môi trường, thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, vệ sinh môi trường trên địa bàn; xây dựng và triển khai các dự án, chương trình, kế hoạch, phong trào bảo vệ môi trường tại địa phương.

5. Thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường khác do UBND tỉnh giao.

6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm toàn diện trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nếu buông lỏng quản lý, để xảy ra tình trạng xả thải trái phép, hình thành các điểm nóng về ô nhiễm môi trường, các bãi tập kết rác thải tự phát trên địa bàn quản lý nhưng không kịp thời phát hiện và xử lý dứt điểm.

Điều 13. Điều khoản thi hành

1. Sở Nông nghiệp và môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện Quy

định này, định kỳ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường kết quả thực hiện theo quy định.

2. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức triển khai thực hiện Quy định này và chịu trách nhiệm giám sát, kiểm tra việc thực hiện. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh các đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Môi trường để phối hợp với các cơ quan chuyên môn hướng dẫn thực hiện.

3. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định tương ứng tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) để xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.